TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - LÂM ĐỒNG** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2026/DS-ST
Ngày: 24 - 4 - 2026
V/v: "Tranh chấp di sản thừa kế".

NHÂN DANHNƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - LÂM ĐỒNG, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Phước Minh Phong

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Sỹ Lĩnh

Ông Đỗ Thanh Trúc

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thanh - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lâm Đồng, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Lâm Đồng, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 – Lâm Đồng, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 264/2024/TLST-DS ngày 22 tháng 10 năm 2024 về việc "*Tranh chấp di sản thừa kế*".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2026/QĐST-DS ngày 30/3/2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Vợ chồng cụ Đỗ Văn N, sinh năm: 1949, cụ Chu Thị H, sinh năm: 1950; địa chỉ: Thôn E, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Lê Thị Tuyết C, sinh năm: 1978; địa chỉ: Thôn X, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng. (Văn bản ủy quyền 15/4/2024). Có mặt.

- *Đồng bị đơn*:

1/ Anh Đỗ Xuân T, sinh năm: 2003; địa chỉ: Thôn P, xã T, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị N1, sinh năm: 1984; địa chỉ: Thôn P, xã T, tỉnh Lâm Đồng. (Văn bản ủy quyền ngày 26/6/2025). Có mặt.

Ông Vũ Xuân Q, sinh năm: 1981; địa chỉ: Thôn T, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng. (Văn bản ủy quyền ngày 30/01/2026). Có mặt.

2/ Chị Đỗ Thị Hải Y, sinh ngày 15/11/2008; địa chỉ: Thôn P, xã T, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo pháp luật của cháu Y: Bà Nguyễn Thị N1, sinh năm: 1984.

Địa chỉ: Thôn P, xã T, tỉnh Lâm Đồng. có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn vợ chồng cụ Đỗ Văn N, cụ Chu Thị H; cũng như lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền là bà Lê Thị Tuyết C:

Ông Đỗ Văn L, sinh năm 1976, chết ngày 23/01/2024 (Trích lục khai tử số 11/TLKT-BS ngày 11/4/2024 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện L) là con ruột của vợ chồng cụ Đỗ Văn N, cụ Chu Thị H. Ông L có vợ là bà Nguyễn Thị N1, nhưng đã ly hôn theo Bản án Hôn nhân gia đình số: 49/2021/HNGĐ ngày 28/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng (bản án đã có hiệu lực pháp luật); sau khi ly hôn ông L không kết hôn với ai khác. Ông L có 02 người con gồm: Anh Đỗ Xuân T, sinh ngày 22/4/2003 và chị Đỗ Thị Hải Y, sinh ngày 15/11/2008. Ngoài ra, ông L không có cha mẹ nuôi, vợ, con chung, con riêng, con nuôi nào khác. Do đó, hàng thừa kế thứ nhất của ông L gồm 04 người: Cụ Đỗ Văn N, cụ Chu Thị H, anh Đỗ Xuân T và chị Đỗ Thị Hải Y.

Trước khi chết, ông L có tài sản là quyền sử dụng diện tích đất 3.930,5m2 thuộc một phần thửa đất số 105, tờ bản đồ số 44 tại thôn P, xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng (nay là thôn P, xã T, tỉnh Lâm Đồng) có tứ cận như sau: Phía Đông giáp thửa đất số 121 (đất ông T1), phía Nam giáp thửa đất 205, 206, 207 (đất ông C1); phía Tây giáp thửa 91, phía Bắc giáp đất bà N1 được chia thuộc một phần thửa 105. Trong đó có một lối đi có chiều rộng 02 mét, chiều dài 27 mét có tứ cận như sau: Phía Đông giáp thửa 121, phía Tây giáp đất bà N1 được chia, phía Bắc giáp đường, phía Nam giáp đất ông L được nhận. Diện tích đất này ông L được nhận trên cơ sở Bản án Hôn nhân gia đình số: 49/2021/HNGĐ- ST ngày 28/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng về việc "Tranh chấp ly hôn" với bà Nguyễn Thị N1 và đã được Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng giao tài sản theo Biên bản giao nhận tài sản thi hành án ngày 12/12/2023, nhưng ông L chưa làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

Theo chứng thư thẩm định giá số 088/2025/103 ngày 29/12/2025 của Công ty TNHH T2, thì di sản ông L để lại có trị giá 605.297.000 đồng.

Tại Thông báo thụ lý vụ án số 264/TB-TA ngày 22/10/2024 của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, vợ chồng cụ N, cụ H yêu cầu anh T, chị Y phải trả cho vợ chồng cụ N, cụ H các khoản chi phí điều trị bệnh và lo mai táng cho ông L là 117.327.382 đồng (Chi phí mai táng 116.000.000 đồng; mua quan tài 27.000.000 đồng; xây kim tĩnh 3.000.000 đồng; xây mộ 62.000.000 đồng; dịch vụ xe tang 7.500.000 đồng; chi phí ăn uống 14.000.000 đồng; đồ tang 1.000.000 đồng; hoa quả, tiền vàng, nhang 1.500.000 đồng, tiền điều trị bệnh cho ông L tại bệnh viện 1.327.382 đồng). Nay vợ chồng cụ N, cụ H rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền điều trị bệnh cho ông L tại bệnh viện là 1.327.382 đồng. Ngoài ra, vợ chồng cụ N, cụ H thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện cụ thể: Trừ chi phí hợp lý cho việc mai táng vợ chồng cụ N, cụ H đã bỏ ra để lo mai táng cho ông L số tiền là 116.000.000 đồng (mua quan tài 27.000.000 đồng; xây kim tĩnh 3.000.000 đồng;

xây mộ 62.000.000 đồng; dịch vụ xe tang 7.500.000 đồng; chi phí ăn uống 14.000.000 đồng; đồ tang 1.000.000 đồng; hoa quả, tiền vàng, nhang 1.500.000 đồng) vào di sản thừa kế ông L để lại có trị giá 605.297.000 đồng. Bà được biết trước khi chết bà Đỗ Thị L1 là chị ruột của ông L có cho ông L số tiền 50.000.000 đồng để chữa bệnh, nay bà L1 không tranh chấp số tiền này thì bà không có ý kiến gì. Ngoài ra, ông L không còn nợ bất kỳ cá nhân, tổ chức nào. Bên cạnh đó, nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con thì ông L cũng đã thực hiện đầy đủ. Như vậy, giá trị di sản còn lại là 489.297.000 đồng (605.297.000 đồng – 116.000.000 đồng). Khi còn sống do ông L không để lại di chúc, nên theo quy định của pháp luật mỗi người thừa kế được hưởng ¼ giá trị di sản tương đương với số tiền 122.324.250 đồng (489.297.000 đồng : 4).

Bà đồng ý với H1 đồ đo đạc thửa đất theo hiện trạng sử dụng ngày 17/10/2025 của Chi nhánh Văn phòng Đ và kết quả thẩm định giá theo chứng thư thẩm định giá số 088/2025/103 ngày 29/12/2025 của Công ty TNHH T2.

Nay vợ chồng cụ N, cụ H yêu cầu Tòa án giải quyết cụ thể:

- Chia di sản thừa kế ông L để lại theo quy định của pháp luật đối với diện tích đất 3.930,5m2 thuộc một phần thửa đất số 105, tờ bản đồ số 44 (đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) tại thôn P, xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng (Nay là thôn P, xã T, tỉnh Lâm Đồng) cho những người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông L gồm: Cụ N, cụ H, anh T, chị Y. Cụ N, cụ H yêu cầu được nhận bằng hiện vật là 2/4 quyền sử dụng đất tương ứng với diện tích 1.965,25m2, trong đó có con đường đi vào đất 1m. Con đường đi vào đất còn lại 1m thì chia cho anh T 50cm, chia cho chị Y 50cm.

- Buộc anh T, chị Y mỗi người thanh toán lại cho vợ chồng cụ N, cụ H số tiền 29.000.000 đồng chi phí hợp lý cho việc mai táng do được nhận di sản bằng hiện vật có giá trị cao hơn mỗi kỷ phần thừa kế được hưởng (151.324.250 đồng/122.324.250 đồng).

Đối với việc anh T tự ý trồng cà phê trên toàn bộ diện tích đất là di sản thừa kế của ông L để lại, không được sự đồng ý của cụ N, cụ H, nên anh T phải tự chịu trách nhiệm; cụ N, cụ H không có nghĩa vụ thanh toán lại giá trị cây cà phê cho anh T.

Hiện nay, vợ chồng cụ N, cụ H đã già yếu, không còn khả năng lao động sản xuất nông nghiệp. Vợ chồng cụ N, cụ H yêu cầu chia di sản thừa kế của ông L bằng hiện vật để vợ chồng cụ N, cụ H chuyển nhượng quyền sử dụng đất được chia cho người khác lấy tiền lo tuổi già.

Đối với việc người đại diện theo ủy quyền của anh T và người đại diện theo pháp luật của chị Y cho rằng vợ chồng cụ N, cụ H đã lớn tuổi không có khả năng lao động và hiện nay cư trú tại xã Đ, tỉnh Lâm Đồng; trong khi đó anh T không có công việc ổn định, không có đất canh tác và đã trồng cà phê trên toàn bộ diện tích đất là di sản thừa kế của ông L, nên anh T yêu cầu được nhận bằng hiện vật toàn bộ di sản thừa kế ông L để lại và đồng ý thanh toán lại cho cụ N 1/4, cụ H 1/4 giá trị di sản thừa kế thì bà không đồng ý, bà vẫn giữ nguyên yêu cầu chia di sản thừa kế

bằng hiện vật.

Đối với số tiền phúng điếu ông L thì vợ chồng cụ N, cụ H không nhớ bao nhiêu, nhưng vợ chồng cụ N, cụ H sử dụng để sau này trả lễ lại và các bên cũng không tranh chấp số tiền này, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với diện tích đất ao 153m2 thuộc một phần thửa đất 105, tờ bản đồ số 44 tại xã T, huyện L (N là xã T, tỉnh Lâm Đồng) theo Bản án Hôn nhân gia đình số: 49/2021/HNGĐ- ST ngày 28/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng là tài sản chung của vợ chồng ông L, bà N1 chưa chia, nhưng nay vợ chồng cụ N, cụ H không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với phần diện tích đất này trong vụ án tranh chấp di sản thừa kế. Nếu có tranh chấp thì vợ chồng cụ N, cụ H sẽ khởi kiện bằng vụ án khác theo thủ tục chung.

Về chi phí tố tụng thì đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

Theo lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn anh Đỗ Xuân T là ông Vũ Xuân Q, bà Nguyễn Thị N1:

Ông Đỗ Văn L, sinh năm 1976, chết ngày 23/01/2024 (Trích lục khai tử số 11/TLKT-BS ngày 11/4/2024 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng).

Về quan hệ huyết thống và về di sản thừa kế của ông L như bà Lê Thị Tuyết C trình bày là đúng.

Đối với việc trước khi ông L chết, bà Đỗ Thị L1 là chị ruột của ông L có cho ông L số tiền 50.000.000 đồng để chữa bệnh, nay bà L1 không tranh chấp số tiền này thì bà không có ý kiến gì. Ngoài ra, ông L không còn nợ cá nhân, tổ chức nào. Bên cạnh đó, ông L đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Ông L chết không để lại di chúc.

Ông, bà đồng ý với H1 đồ đo đạc thửa đất theo hiện trạng sử dụng ngày 17/10/2025 của Chi nhánh Văn phòng Đ và kết quả thẩm định giá theo Chứng thư thẩm định giá số 088/2025/103 ngày 29/12/2025 của Công ty TNHH T2.

Đối với yêu cầu khởi kiện của vợ chồng cụ N, cụ H thì ông bà có ý kiến như sau:

Đồng ý chia di sản thừa kế của ông L theo quy định pháp luật, sau khi trừ đi chi phí hợp lý cho việc mai táng anh L do vợ chồng cụ N, cụ H đã bỏ ra là 116.000.000 đồng (mua quan tài 27.000.000 đồng; xây kim tĩnh 3.000.000 đồng; xây mộ 62.000.000 đồng; dịch vụ xe tang 7.500.000 đồng; chi phí ăn uống 14.000.000 đồng; đồ tang 1.000.000 đồng; hoa quả, tiền vàng, nhang 1.500.000 đồng) vào di sản thừa kế anh L để lại 605.297.000 đồng. Như vậy, giá trị di sản còn lại là 489.297.000 đồng (605.297.000 đồng – 116.000.000 đồng) mỗi người thừa kế được hưởng ¼ giá trị tương đương với số tiền 122.324.250 đồng (489.297.000 đồng : 4).

Hiện nay, vợ chồng cụ N, cụ H đã lớn tuổi không có khả năng lao động và cư trú tại xã Đ, tỉnh Lâm Đồng; trong khi đó anh T không có công việc ổn định, không có đất canh tác và anh T đã trồng cà phê trên toàn bộ diện tích đất là di sản thừa kế

của ông L; đồng thời đường vào đất chỉ có 2m, nếu chia bằng hiện vật vợ chồng cụ N, cụ H sử dụng con đường đi có chiều ngang 1m, anh T và chị Y mỗi người sử dụng con đường đi có chiều ngang 50cm là không thể phục vụ cho việc sản xuất nông nghiệp, nên anh T yêu cầu được nhận bằng hiện vật toàn bộ di sản thừa kế ông L để lại và đồng ý thanh toán lại cho vợ chồng cụ N, cụ H 2/4 giá trị di sản thừa kế là 244.648.500 đồng và 116.000.000 đồng chi phí hợp lý cho việc mai táng ông L do vợ chồng cụ N, cụ H đã bỏ ra, tổng cộng là 360.648.500 đồng (trong đó cụ N, cụ H mỗi người là 180.324.250 đồng) và thanh toán cho chị Y ¼ giá trị di sản thừa kế là 122.324.250 đồng.

Trong trường hợp Tòa án chia di sản thừa kế bằng hiện vật, thì đề nghị chia phần di sản anh T, chị Y được nhận sát phần đất của bà N1 để tiện canh tác; đối với cây trồng trên đất thì đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật chứ anh T không có tranh chấp, yêu cầu gì.

Đối với số tiền phúng điếu ông L thì anh T cũng không tranh chấp gì, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với diện tích đất ao 153m2 thuộc một phần thửa đất 105, tờ bản đồ số 44 tại xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng (Nay là xã T, tỉnh Lâm Đồng) theo Bản án Hôn nhân gia đình số: 49/2021/HNGĐ- ST ngày 28/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng là tài sản chung của vợ chồng ông L, bà N1 chưa chia. Nay các bên không có tranh chấp, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu có tranh chấp thì sẽ khởi kiện bằng vụ án khác theo thủ tục chung.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn chị Đỗ Thị Hải Y là bà Nguyễn Thị N1 trình bày:

Bà thống nhất với lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của anh T.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn vợ chồng cụ Đỗ Văn N, cụ Chu Thị H và người đại diện theo ủy quyền bà Lê Thị Tuyết C vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện: Chia di sản thừa kế ông L để lại theo quy định của pháp luật đối với diện tích đất 3.930,5m2 thuộc một phần thửa đất số 105, tờ bản đồ số 44 tại thôn P, xã T, tỉnh Lâm Đồng cho những người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của anh L gồm: Cụ N, cụ H, anh T, chị Y. Vợ chồng cụ N, cụ H yêu cầu được nhận bằng hiện vật là 2/4 quyền sử dụng đất tương ứng với diện tích 1.965,25m2, trong đó có con đường đi vào đất 1m. Con đường đi vào đất còn lại 1m thì chia cho anh T 50cm, chia cho chị Y 50cm. Buộc anh T, chị Y mỗi người thanh toán lại cho vợ chồng cụ N, cụ H số tiền 29.000.000 đồng chi phí hợp lý cho việc mai táng do được nhận di sản bằng hiện vật có giá trị cao hơn mỗi kỷ phần thừa kế được hưởng (151.324.250 đồng/122.324.250 đồng).

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn anh Đỗ Xuân T là ông Vũ Xuân Q, bà Đỗ Thị Hải Y và người đại diện theo pháp luật của chị Đỗ Thị Hải Y đồng ý chia di sản thừa kế của ông L theo quy định pháp luật như yêu cầu của nguyên đơn. Tuy nhiên, đề nghị giao toàn bộ di sản bằng hiện vật cho anh T trực tiếp quản lý, sử dụng. Anh T đồng ý thanh toán lại cho vợ chồng cụ N, cụ H phần giá trị di sản

tương ứng 2/4 là 244.648.500 đồng và 116.000.000 đồng là chi phí hợp lý cho việc mai táng ông L mà vợ chồng cụ N, cụ H đã bỏ ra, tổng cộng là 360.648.500 đồng (mỗi người được nhận 180.324.250 đồng) và thanh toán cho chị Đỗ Thị Hải Y phần giá trị di sản tương ứng 1/4 là 122.324.250 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Lâm Đồng tham gia phiên tòa nêu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại giai đoạn sơ thẩm cũng như tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện của cụ Đỗ Văn N, cụ Chu Thị H về việc "*Tranh chấp về thừa kế tài sản*" với anh Đỗ Xuân T, chị Đỗ Thị Hải Y.

- Xác định thời điểm mở thừa kế của ông Đỗ Văn L là ngày 23/01/2024.

- Xác định người hưởng di sản thừa kế theo pháp luật của ông Đỗ Văn L gồm cụ Đỗ Văn N, cụ Chu Thị H, anh Đỗ Xuân T và chị Đỗ Thị Hải Y, thuộc hàng thừa kế thứ nhất.

- Xác định di sản thừa kế của ông Đỗ Văn L và chia theo quy định của pháp luật là diện tích đất 3930,5m2 thuộc một phần thửa 105 tờ bản đồ số 44, tọa lạc tại thôn P, xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng, nay là thôn P, xã T, tỉnh Lâm Đồng và chia cho 04 đồng thừa kế là cụ Đỗ Văn N, cụ Chu Thị H, anh Đỗ Xuân T, chị Đỗ Thị Hải Y, mỗi người được hưởng phần di sản bằng nhau.

- Giao cho anh Đỗ Xuân T quản lý, sử dụng diện tích đất 3930,5m2 thuộc một phần thửa 105, tờ bản đồ số 44, tọa lạc tại thôn P, xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng (nay là thôn P, xã T, tỉnh Lâm Đồng).

- Buộc anh Đỗ Xuân T phải thanh toán giá trị phần di sản thừa kế được hưởng cho cụ Đỗ Văn N, cụ Chu Thị H và chị Đỗ Thị Hải Y (do bà Nguyễn Thị N1 là người đại diện theo pháp luật) mỗi người số tiền là 151.324.250 đồng.

- Buộc anh Đỗ Xuân T và chị Đỗ Thị Hải Y (do bà Nguyễn Thị N1 là người đại diện theo pháp luật), mỗi người phải thanh toán cho vợ chồng cụ Đỗ Văn N, cụ Chu Thị H số tiền chi phí mai táng là 29.000.000 đồng.

- Anh Đỗ Xuân T được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để yêu cầu cấp quyền sử dụng đất đối với diện tích đất được chia thừa kế theo quy định của pháp luật.

Về chi phí tố tụng: Cụ Đỗ Văn N, cụ Chu Thị H, anh Đỗ Xuân T và chị Đỗ Thị Hải Y (do bà Nguyễn Thị N1 là người đại diện theo pháp luật) cùng phải chịu khoản tiền chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

Về án phí:

- Cụ Đỗ Văn N, cụ Chu Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần giá trị tài sản được chia thừa kế. Tuy nhiên, cụ Đỗ Văn N (sinh năm 1949), cụ Chu Thị H (sinh năm 1950) có đơn xin miễn án phí do là người cao tuổi, nên miễn án phí dân sự sơ thẩm cho cụ N, cụ H.

- Anh Đỗ Xuân T, chị Đỗ Thị Hải Y (do bà Nguyễn Thị N1 là người đại diện theo pháp luật) phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần giá trị tài sản được chia thừa kế sau khi trừ đi nghĩa vụ phải thanh toán cho cụ N và cụ H; đồng thời phải chịu án phí đối với nghĩa vụ tài sản phải trả cho cụ N và cụ H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Xuất phát từ việc nguyên đơn vợ chồng cụ Đỗ Văn N, cụ Chu Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết chia di sản thừa kế do con trai là ông Đỗ Văn L để lại là diện tích đất 3.930,5m2 thuộc một phần thửa đất số 105, tờ bản đồ số 44 tại thôn P, xã T, tỉnh Lâm Đồng. Diện tích đất này anh L được nhận trên cơ sở Bản án Hôn nhân gia đình số: 49/2021/HNGĐ-ST ngày 28/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng về việc "*Tranh chấp ly hôn*" với bà Nguyễn Thị N1 và đã được Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng giao tài sản theo Biên bản giao nhận tài sản thi hành án ngày 12/12/2023. Tuy nhiên, ông L chưa thực hiện thủ tục đăng ký, kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật. Do đó, căn cứ khoản 5 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ tranh chấp là "*Tranh chấp di sản thừa kế*". Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lâm Đồng theo quy định tại Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vợ chồng cụ Đỗ Văn N, cụ Chu Thị H và người đại diện theo ủy quyền là bà Lê Thị Tuyết C tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể là yêu cầu buộc anh Đỗ Xuân T và chị Đỗ Thị Hải Y hoàn trả số tiền 1.327.382 đồng chi phí điều trị bệnh cho ông Đỗ Văn L. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu trên.

[3] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vợ chồng cụ Đỗ Văn N, cụ Chu Thị H thấy rằng:

[3.1] Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, các đương sự đều thừa nhận ông Đỗ Văn L, sinh năm 1976, chết ngày 23/01/2024 (Trích lục khai tử số 11/TLKT-BS ngày 11/4/2024 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng). Cha mẹ ruột của ông L là cụ Đỗ Văn N, cụ Chu Thị H. Ông L có vợ là bà Nguyễn Thị N1, nhưng đã ly hôn theo Bản án Hôn nhân gia đình số: 49/2021/HNGĐ ngày 28/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng (bản án đã có hiệu lực pháp luật); sau khi ly hôn ông L không kết hôn với ai khác. Ông L có 02 người con gồm: Anh Đỗ Xuân T, sinh ngày 22/4/2003 và chị Đỗ Thị Hải Y, sinh ngày 15/11/2008. Ngoài ra, ông L không có cha mẹ nuôi, vợ, con chung, con riêng, con nuôi nào khác.

Di sản thừa kế anh L để lại là diện tích đất 3.930,5m2 thuộc một phần thửa đất số 105, tờ bản đồ số 44 tại thôn P, xã T, tỉnh Lâm Đồng. (Trong đó có một lối đi có chiều rộng một mặt giáp phần đất là di sản của ông L là 02m; chiều rộng giáp đường đất 03; chiều dài giáp phần đất bà N1 là 28,2m; chiều dài giáp thửa đất 121 là 28,1m) có giá trị là 605.297.000 đồng; diện tích đất này ông L được nhận trên cơ

sở Bản án Hôn nhân gia đình số: 49/2021/HNGĐ- ST ngày 28/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng về việc "Tranh chấp ly hôn" với bà Nguyễn Thị N1 và đã được Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng giao tài sản theo Biên bản giao nhận tài sản thi hành án ngày 12/12/2023. Tuy nhiên, ông L chưa thực hiện thủ tục đăng ký, kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

Trước khi chết ông L không để lại di chúc. Chi phí hợp lý cho việc mai táng ông L do vợ chồng cụ N, cụ H đã bỏ ra là 116.000.000 đồng. Sau khi trừ đi chi phí hợp lý cho việc mai táng, giá trị di sản còn lại là 489.297.000 đồng (605.297.000 đồng – 116.000.000 đồng).

Căn cứ Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh.

[3.2] Về hàng thừa kế: Căn cứ Điều 651 Bộ luật Dân sự xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông Đỗ Văn L gồm: Cụ Đỗ Văn N, cụ Chu Thị H, anh Đỗ Xuân T và chị Đỗ Thị Hải Y. Chị Y sinh ngày 15/11/2008 là người chưa thành niên, nên căn cứ khoản 1 Điều 136 Bộ luật Dân sự xác định bà Nguyễn Thị N1 (mẹ cháu Y) là người đại diện theo pháp luật.

[3.3] Về di sản thừa kế: Căn cứ Điều 612 và Điều 658 Bộ luật Dân sự xác định di sản thừa kế của ông L để lại là diện tích đất 3.930,5m2 thuộc một phần thửa đất số 105, tờ bản đồ số 44 tại thôn P, xã T, tỉnh Lâm Đồng; sau khi trừ đi chi phí hợp lý cho việc mai táng ông L do vợ chồng cụ N, cụ H đã bỏ ra là 116.000.000 đồng. Như vậy, giá trị di sản còn lại là 489.297.000 đồng (605.297.000 đồng – 116.000.000 đồng).

Đối với giá trị cây cà phê trên đất là 64.960.000 đồng, các đương sự đều xác nhận do anh T trực tiếp trồng và chăm sóc. Vì vậy, không có cơ sở xác định đây là di sản thừa kế do ông L để lại, nên không xem xét khi phân chia di sản thừa kế.

[3.4] Về xác định kỷ phần thừa kế để chia cho các đồng thừa kế:

Như phân tích trên, di sản ông L để lại sau khi trừ chi phí hợp lý cho việc mai táng còn lại giá trị là 489.297.000 đồng (605.297.000 đồng – 116.000.000 đồng). Tại phiên tòa hôm nay, các đương sự đều thống nhất với giá trị di sản còn lại nêu trên để làm căn cứ giải quyết vụ án theo quy định pháp luật và không đề nghị thẩm định giá lại. Vì vậy, xác định di sản của ông L được chia thành 04 kỷ phần bằng nhau, mỗi kỷ phần có giá trị 122.324.250 đồng (489.297.000 đồng : 4).

Xét thấy, vợ chồng cụ N, cụ H yêu cầu nhận di sản thừa kế bằng hiện vật là không phù hợp. Bởi lẽ, hiện nay vợ chồng cụ N, cụ H đã lớn tuổi (cụ N sinh năm 1949, cụ Hóa sinh năm 1950), không còn khả năng trực tiếp lao động sản xuất nông nghiệp. Đồng thời, vợ chồng cụ N, cụ H và người đại diện theo ủy quyền là bà C khẳng định mục đích yêu cầu nhận hiện vật là để chuyển nhượng phần đất được chia lấy tiền trang trải tuổi già.

Hơn nữa, cụ N, cụ H yêu cầu được nhận hiện vật trong đó có con đường đi vào đất có chiều ngang rộng 01 mét; anh T và chị Y mỗi người sử dụng con đường

đi có chiều ngang 50cm là không bảo đảm điều kiện đi lại, phục vụ sản xuất nông nghiệp.

Mặt khác, vợ chồng cụ N, cụ H hiện nay cư trú tại xã Đ, tỉnh Lâm Đồng, trong khi di sản là quyền sử dụng đất tọa lạc tại xã T, tỉnh Lâm Đồng, khoảng cách địa lý xa (khoảng 150km), gây khó khăn cho việc trực tiếp quản lý, sử dụng đất.

Ngoài ra, hiện nay anh T đang cư trú cùng bà N1 tại xã T, tỉnh Lâm Đồng (cạnh bên di sản là quyền sử dụng đất của ông L); không có công việc ổn định, không có quyền sử dụng đất để canh tác. Sau khi ông L chết, năm 2024 anh T cũng đã trực tiếp trồng cà phê trên toàn bộ diện tích đất này và hiện nay cũng có nhu cầu nhận toàn bộ di sản là quyền sử dụng đất, đồng thời đồng ý thanh toán lại cho những người đồng thừa kế giá trị kỷ phần thừa kế tương ứng.

Bên cạnh đó, chị Y hiện đang là học sinh, chưa có khả năng lao động và cũng đồng ý giao toàn bộ di sản là quyền sử dụng đất nêu trên cho anh T trực tiếp quản lý, sử dụng.

Do đó, cần giao toàn bộ di sản thừa kế là quyền sử dụng đất trên cho anh T trực tiếp quản lý, sử dụng; đồng thời buộc anh T có nghĩa vụ thanh toán lại cho cụ N, cụ H, chị Y kỷ phần thừa kế mà mỗi người được hưởng là 122.324.250 đồng. Ngoài ra, anh T còn phải thanh toán cho vợ chồng cụ N, cụ H số tiền lo mai táng cho anh L 116.000.000 đồng là phù hợp.

[4] Đối với số tiền phúng điếu ông L, do các đương sự không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[5] Đối với diện tích đất ao 153m2 thuộc một phần thửa đất 105, tờ bản đồ số 44 tại xã T, tỉnh Lâm Đồng theo Bản án Hôn nhân gia đình số: 49/2021/HNGĐ- ST ngày 28/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng thì đây là tài sản chung của ông L và bà N1 chưa chia, các đương sự đều xác định không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết; trường hợp có tranh chấp sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ án khác theo thủ tục chung.

[6] Đối với nghĩa vụ cấp dưỡng của ông L theo Bản án Hôn nhân gia đình số: 49/2021/HNGĐ- ST ngày 28/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng các đương sự đều xác định ông L đã thực hiện xong và không có tranh chấp, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Đỗ Thị L1 trình bày có cho ông L số tiền 50.000.000 đồng để chữa bệnh. Tuy nhiên, bà L1 xác định không có tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với khoản tiền này. Do đó, quyền và nghĩa vụ của bà L1 không bị ảnh hưởng bởi việc giải quyết vụ án. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không đưa bà L1 tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp.

[8] Từ những phân tích trên, cần chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của vợ chồng cụ Đỗ Văn N, cụ Chu Thị H để tuyên xử theo hướng đã nhận định là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

[9] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc và thẩm định

giá tài sản tranh chấp tổng cộng là 18.581.237 đồng, người đại diện theo ủy quyền của vợ chồng cụ N, cụ H đã nộp và đã được Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lâm Đồng quyết toán xong.

Xét thấy, việc xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc và thẩm định giá tài sản là cần thiết cho việc giải quyết vụ án. Do những người thừa kế đều được chia kỷ phần thừa kế, nên cùng chịu chi phí này là phù hợp. Cụ thể, buộc anh T, chị Y mỗi người phải thanh toán lại cho vợ chồng cụ N, cụ H số tiền 4.645.309 đồng (18.581.237 đồng : 4).

[10] Về án phí: Cụ Đỗ Văn N, cụ Chu Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên trên kỷ phần thừa kế được nhận. Tuy nhiên, do hiện nay cụ N, cụ H đã trên 60 tuổi; là người cao tuổi theo Luật Người cao tuổi số 39/2009/QH12 ngày 23/11/2009 và có đơn xin miễn án phí, nên cần căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho cụ N, cụ H.

- Buộc anh Đỗ Xuân T và chị Đỗ Thị Hải Y (Người đại diện theo pháp luật là bà Nguyễn Thị N1) mỗi người phải chịu 6.116.213 đồng án phí dân sự sơ thẩm trên kỷ phần thừa kế được nhận (122.324.250 đồng x 5%). Ngoài ra, buộc anh Đỗ Xuân T phải chịu 5.800.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ tài sản phải thanh toán cho vợ chồng cụ N, cụ H (116.000.000 đồng x 5%). Tổng cộng anh T phải chịu 11.916.213 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 5 Điều 26, các Điều 35, 39, 147, 157, 165, 203, 235, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 136, 612, 613, 614, 623, 649, 650, 651 và Điều 658 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của vợ chồng cụ Đỗ Văn N, cụ Chu Thị H về việc buộc anh Đỗ Xuân T và chị Đỗ Thị Hải Y hoàn trả số tiền 1.327.382 đồng chi phí điều trị bệnh cho ông Đỗ Văn L.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của vợ chồng cụ Đỗ Văn N, cụ Chu Thị H về việc "*Tranh chấp di sản thừa kế*" với anh Đỗ Xuân T, chị Đỗ Thị Hải Y.

2.1. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông Đỗ Văn L gồm: Cụ Đỗ Văn N, cụ Chu Thị H, anh Đỗ Xuân T, chị Đỗ Thị Hải Y (Người đại diện theo pháp luật bà Nguyễn Thị N1).

2.2. Xác định di sản thừa kế của ông Đỗ Văn L để lại là diện tích đất 3.930,5m2

thuộc một phần thửa đất số 105, tờ bản đồ số 44 tại thôn P, xã T, tỉnh Lâm Đồng có trị giá là 605.297.000 đồng. Xác định chi phí hợp lý cho việc mai táng ông Đỗ Văn L do vợ chồng cụ Đỗ Văn N, cụ Chu Thị H đã bỏ ra là 116.000.000 đồng. Sau khi trừ đi chi phí hợp lý cho việc mai táng (605.297.000 đồng – 116.000.000 đồng) thì giá trị mỗi kỷ phần thừa kế là 122.324.250 đồng (489.297.000 đồng : 4).

2.3. Giao diện tích đất 3.930,5m2 thuộc một phần thửa đất số 105, tờ bản đồ số 44 tại thôn P, xã T, tỉnh Lâm Đồng cho anh Đỗ Xuân T trực tiếp quản lý, sử dụng.

Quy định cho anh Đỗ Xuân T được quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng lý, kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật đối với diện tích đất 3.930,5m2 thuộc một phần thửa đất số 105, tờ bản đồ số 44 tại thôn P, xã T, tỉnh Lâm Đồng.

(Có Họa đồ đo đạc thửa đất theo hiện trạng sử dụng ngày 17/10/2025 của Chi nhánh Văn phòng Đ kèm theo).

2.4. Buộc anh Đỗ Xuân T có nghĩa vụ thanh toán cho cụ Đỗ Văn N, cụ Chu Thị H, chị Đỗ Thị Hải Y (Người đại diện theo pháp luật là bà Nguyễn Thị N1) mỗi người 122.324.250 đồng.

2.5. Buộc anh Đỗ Xuân T có nghĩa vụ thanh toán cho vợ chồng cụ Đỗ Văn N, cụ Chu Thị H số tiền 116.000.000 đồng.

3. Về chi phí tố tụng:

- Buộc cụ Đỗ Văn N, cụ Chu Thị H, anh Đỗ Xuân T, chị Đỗ Thị Hải Y (Người đại diện theo pháp luật là bà Nguyễn Thị N1) mỗi người phải chịu 4.645.309 đồng (18.581.237 đồng : 4).

- Buộc anh Đỗ Xuân T, chị Đỗ Thị Hải Y (Người đại diện theo pháp luật là bà Nguyễn Thị N1) mỗi người có nghĩa vụ thanh toán lại cho vợ chồng cụ Đỗ Văn N, cụ Chu Thị H số tiền 4.645.309 đồng.

4. Về án phí:

- Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho vợ chồng cụ Đỗ Văn N, cụ Chu Thị H.

- Buộc anh Đỗ Xuân T phải chịu 11.916.213 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Buộc chị Đỗ Thị Hải Y (Người đại diện theo pháp luật là bà Nguyễn Thị N1) phải chịu 6.116.213 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật

thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

6. Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được Bản án hoặc tống đạt hợp lệ./.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND khu vực 3 – Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Phòng THADS khu vực 3 – Lâm Đồng;
- Lưu án văn, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Phước Minh Phong

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Ngô Thị Luân – Thạch Thị Lan Nhung	**Phạm Phước Minh Phong**

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND khu vực 3 – Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Phòng THADS khu vực 3 – Lâm Đồng;
- Lưu án văn, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Phước Minh Phong

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Nguyễn Thị Thùy – Nguyễn Ngọc Diện	**Phạm Phước Minh Phong**